

Số: **221/2021/QĐST-HNGĐ**

Thành phố Huế, ngày 05 tháng 05 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 51, 53, 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 112/2021/TLST/ HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2021 về việc: “ Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Nguyễn Chí T, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 191/1 đường N, phường V, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Chị Tôn Nữ Thanh T, sinh năm: 1981; địa chỉ: Số 191/1 đường N, phường V, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Chí T và chị Tôn Nữ Thanh T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 12/3/2010. Sau khi kết hôn, anh T và chị T chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã gây gổ nhau làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Do mục đích hôn nhân không đạt nên anh T và chị T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Chí T và chị Tôn Nữ Thanh T xác nhận vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Nữ Phương N, sinh ngày 22/6/2010, hiện đang ở với chị T. Hai bên thỏa thuận giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Tôn Nữ Thanh T tạm thời không yêu cầu anh Nguyễn Chí Tôn cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị T cùng xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Chí T và chị Tôn Nữ Thanh T mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh T, chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002272 ngày 24/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh Nguyễn Chí T và chị Tôn Nữ Thanh T đã nộp đủ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 27 tháng 4 năm 2021), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Chí T và chị Tôn Nữ Thanh T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Nữ Phương N, sinh ngày 22/6/2010, cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Tôn Nữ Thanh T tạm thời không yêu cầu anh Nguyễn Chí T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị T cùng xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Chí T và chị Tôn Nữ Thanh T mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh T, chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002272 ngày 24/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh Nguyễn Chí T và chị Tôn Nữ Thanh T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm

2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP Huế;
- UBND P, TP Huế;
- (ĐKKH số 10 ngày 12/3/2010)
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Huế